TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2025
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Dân

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc kiều

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Thị Hồng Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng10 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025 /QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 42, ấp Cần Thạnh, xã Cần Đ; huyện Châu Th, tỉnh An Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn Ph – văn phòng luật sư Nguyễn Văn Ph thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh S sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 42, ấp Cần Thạnh, xã Cần Đ; huyện Châu Th, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 03/7/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh S tự tìm hiểu, tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Ch, huyện Châu P, tỉnh An Giang

số 109/KH quyển số I-2010 ngày 13/9/2010. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi không hạnh phúc. Tháng 8/2014 chị và anh S ly thân nhau cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không ai có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà không còn tình cảm với anh S nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Huỳnh Thanh C sinh ngày 28/01/2004 (đã trưởng thành có khả năng lao động); Huỳnh Thanh D sinh ngày 07/9/2006 và Huỳnh Thị Ngọc Tr sinh ngày 07/4/2011. Hiện cháu D và cháu Ngọc Tr đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con các chung; không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Huỳnh Thanh S vắng mặt trong quá trình tố tụng*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03/7/2024 nội dung đơn giữ yêu cầu đã khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt.

- Bị đơn anh Huỳnh Thanh S vắng mặt tại phiên tòa không tham gia tố tụng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về việc chấp hành pháp *luật*: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ phiếu xác minh về nơi cư trú của đương sự do Công an xã Cần Đăng xác nhận: "*Anh Huỳnh Thanh S có đăng ký thường trú tại ấp Cần Thạnh, xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, An Giang*" Tòa án căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng thực hiện theo quy định tại Điều 179 BLTTDS 2015. Anh S không có

mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị M và anh S.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: giữa chị M và anh S có đăng ký kết hôn tại UBND xã UBND xã Bình Chánh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang số 109/KH quyển số I-2010 ngày 13/9/2010 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị. Mục đích tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ; nhưng chị M vẫn giữ yêu cầu ly hôn; anh S không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án. Ông S không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70,72 BLTTDS. Điều này thể hiện cả hai không ai muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Giữa chị M và anh S đã ly thân một thời gian dài từ năm 2014 cho đến nay, trong khoảng thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Như vậy cả anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của chị M có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Giữa chị M và anh S có 03 con chung tên Huỳnh Thanh C sinh ngày 28/01/2004; cháu Huỳnh Thanh D sinh ngày 07/9/2006 (đã trưởng thành có khả năng lao động); và Huỳnh Thị Ngọc Tr sinh ngày 07/4/2011. Hiện cháu Ngọc Tr đang sống với chị . Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung; không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S không có văn bản trình bày ý đối với yêu cầu khởi kiện của chị M. Đồng thời, cháu Tr có văn bản trình bày ý kiến có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ (chị M). Do đó, phù hợp với quy định tại các Điều 53, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Chị M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Chị M, anh S có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M; Chị M được ly hôn với anh Huỳnh Thanh S

2.Về con chung: Chị Nguyễn Thị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Huỳnh Thị Ngọc Tr sinh ngày 07/4/2011. Chị M phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh S trong việc được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không yêu cầu.

3.Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4.Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004986 ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M và anh Huỳnh Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thùy Trang